

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ II- MÔN: LỊCH SỬ 11
NĂM HỌC: 2025- 2026

PHẦN I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN

Bài 9. CUỘC CẢI CÁCH CỦA HỒ QUÝ LY VÀ TRIỀU HỒ

Câu 1: Nhằm tăng cường sức mạnh quân sự để đối phó với cuộc xâm lược của nhà Minh cuối thế kỉ XIV, Hồ Quý Ly đã tiến hành

- A.** cải cách văn hoá, xã hội, giáo dục. **B.** xây dựng toà thành Tây Đô kiên cố.
- C.** buộc vua Trần nhường ngôi cho mình. **D.** ban hành chính sách hạn điền, hạn nô.

Câu 2: Nửa sau thế kỉ XIV, cuộc khởi nghĩa nông dân nào sau đây đã diễn chông lại nhà Trần?

- A.** Khởi nghĩa Ngô Bê (Hải Dương). **B.** Khởi nghĩa Phan Bá Vành (Thái Bình).
C. Khởi nghĩa Yên Thế (Bắc Giang). **D.** Khởi nghĩa Lam Sơn (Thanh Hoá).

Câu 3: Năm 1400, Hồ Quý Ly buộc vua Trần nhường ngôi và lập ra triều đại

- A.** nhà Lê sơ. **B.** nhà Nguyễn. **C.** nhà Hồ. **D.** nhà Lý.

Câu 4: Sau khi lên ngôi và lập ra nhà Hồ, Hồ Quý Ly đã tiếp tục

- A.** tổ chức kháng chiến chống quân Xiêm.
B. tổ chức kháng chiến chống quân Thanh.
C. mở rộng lãnh thổ về phía Nam.
D. tiến hành cuộc cải cách sâu rộng.

Câu 5: Công cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều đại nhà Hồ **không** bao gồm lĩnh vực nào sau đây?

- A. Văn hoá - giáo dục.
B. Chính trị - quân sự.
C. Kinh tế - xã hội.
D. Thể thao - du lịch.

Câu 6: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A.** Nước Đại Việt lâm vào khủng hoảng trầm trọng.
B. Nhà Trần đang trong giai đoạn phát triển thịnh đạt.
C. Giặc Tống sang xâm lược nước ta lần thứ nhất.
D. Chế độ phong kiến Việt Nam phát triển đỉnh cao.

Câu 7: Về kinh tế - xã hội, nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất lớn trong các điền trang, thái ấp của quý tộc, Hồ Quý Ly đã

- A.** cho phát hành tiền giấy.
C. cải cách chế độ giáo dục.

Câu 8: Trong cải cách của Hồ Quý Ly, việc quy định số lượng gia nô được sở hữu của các vương hầu, quý tộc, quan lại được gọi là

- A.** phép hạn gia nô. **B.** chính sách hạn điền.
C. chính sách quân điền. **D.** bình quân gia nô.

Câu 9: Xây dựng nhiều thành lũy kiên cố, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ về

- A. kinh tế.** **B. văn hoá.** **C. quân sự.** **D. xã hội.**

Câu 10: Hạn chế sự phát triển của Phật giáo, chấn chỉnh lại chế độ thi cử, đề cao chữ Nôm là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ về

- A.** kinh tế, xã hội. **B.** văn hoá, giáo dục.
C. chính trị, quân sự. **D.** hành chính, pháp luật.

Câu 11: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đề cao tư tưởng, tôn giáo nào sau đây?

- A. Phật giáo. B. Đạo giáo. C. Nho giáo. D. Thiên chúa giáo.**

Câu 12: Trong cái cách về văn hoá, Hồ Quý Ly khuyến khích và đề cao chữ viết nào sau đây?

- A. Chữ Nôm. B. Chữ Hán. C. Chữ La-tinh. D. Chữ Quốc ngữ.**

Câu 13: Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu của triều đại nhà Trần ở nửa sau thế kỉ XIV?

- A.** Đất nước bị quân Minh xâm lược, đô hộ và bóc lột về kinh tế
B. Nhà nước không quan tâm sản xuất, quan lại ăn chơi hưởng lạc.
C. Chiến tranh giữa các phe phái quyền lực đối lập diễn ra liên miên.
D. Nhà Trần tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm lược tốn kém.

- Câu 14:** Về kinh tế - xã hội, cuộc cải cách của Hồ Quý Ly **không** đề cập đến nội dung nào sau đây?
- A. Ban hành tiền giấy thay thế tiền đồng.
 - B. Hạn chế sở hữu ruộng tư của quý tộc.
 - C. Thống nhất đơn vị đo lường cả nước.
 - D. Chế tạo vũ khí, đóng thuyền chiến.
- Câu 15:** Về văn hóa - giáo dục, cuộc cải cách của Hồ Quý Ly **không** đề cập đến nội dung nào sau đây?
- A. Bắt tất cả các nhà sư phải hoàn tục.
 - B. Chú trọng việc tổ chức các kì thi.
 - C. Khuyến khích sử dụng chữ Nôm.
 - D. Mở trường học ở các lộ, phủ, châu.
- Câu 16:** Để tăng cường khả năng bảo vệ đất nước, Hồ Quý Ly đã thực hiện biện pháp nào sau đây?
- A. Gả các công chúa cho các tù trưởng miền núi.
 - B. Thi hành chính sách thần phục nhà Minh.
 - C. Tăng cường lực lượng quân đội chính quy.
 - D. Quan hệ hoà hiếu với Chăm-pa, Chân Lạp.
- Câu 17:** Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc cải cách Hồ Quý Ly cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?
- A. Bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực đất nước.
 - B. Là cuộc cải cách triệt để giúp đất nước vượt qua khủng hoảng.
 - C. Góp phần xây dựng nền văn hoá, giáo dục mang bản sắc dân tộc.
 - D. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về việc trị nước.
- Câu 18:** Nội dung nào sau đây phản ánh **không** đúng kết quả cuộc cải cách của Hồ Quý Ly cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?
- A. Góp phần nâng cao tiềm lực quốc phòng.
 - B. Giúp nông dân có thêm ruộng đất để sản xuất.
 - C. Văn hoá dân tộc, nhất là chữ Nôm được đề cao.
 - D. Giữ vững nền độc lập dài lâu cho dân tộc.
- Câu 19:** Tình trạng nào sau đây thể hiện sự suy yếu về chính trị của nhà Trần nửa sau thế kỉ XIV?
- A. Tầng lớp quý tộc suy thoái, xuất hiện các cuộc khởi nghĩa của nô lệ.
 - B. Chính quyền địa phương khủng hoảng; hạn hán, mất mùa diễn ra thường xuyên.
 - C. Quan hệ với Chăm – pa và nhà Minh căng thẳng, mất mùa diễn ra thường xuyên.
 - D. Triều chính bị gian thần lũng đoạn, việc nước không còn được quan tâm.
- Câu 20:** Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và nhà Hồ được tiến hành
- A. từ những năm 80 của thế kỉ XIV đến trước khi quân Minh xâm lược.
 - B. từ những năm 70 của thế kỉ XIV đến trước khi quân Minh xâm lược.
 - C. từ khi Hồ Quý Ly trở thành một đại thần đến khi ông qua đời.
 - D. từ khi Hồ Quý Ly lên làm vua đến trước khi quân Minh xâm lược.
- Câu 21:** Trong phương thức tuyển chọn quan lại, Hồ Quý Ly và nhà Hồ tăng cường
- A. mở các khoa thi.
 - B. bổ sung tầng lớp quý tộc.
 - C. Thái hồi những người già yếu.
 - D. Bổ sung những người khỏe mạnh.
- Câu 22:** Hồ Quý Ly đã thực hiện chính sách nào sau đây trong lĩnh vực sở hữu ruộng đất?
- A. Giảm thiểu sở hữu ruộng đất quy mô lớn của quý tộc.
 - B. Tăng cường sở hữu ruộng đất quy mô lớn của quan lại.
 - C. Hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn của tư nhân.
 - D. Khuyến khích sử hữu ruộng đất của địa chủ và tư nhân.
- Câu 23:** Trong lĩnh vực văn hóa, Hồ Quý Ly và nhà Hồ đã
- A. đề cao Nho giáo, hạn chế Phật giáo và Đạo giáo.
 - B. Chủ trọng Nho giáo và Phật giáo, hạn chế Đạo giáo.
 - C. Khuyến khích Phật giáo, hạn chế Nho giáo.
 - D. Hạn chế Nho giáo và Phật giáo, đề cao Đạo giáo.
- Câu 24:** Về mặt chính trị, cuộc cải cách của Hồ Quý Ly đã đưa đến
- A. sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ phong kiến.
 - B. sự hình thành của chế độ quân chủ chuyên chế theo đường lối nhân trị.
 - C. sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối pháp trị.
 - D. sự phát triển đỉnh cao của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối pháp trị.
- Câu 25:** Nội dung nào sau đây trong cuộc cải cách của Hồ Quý Ly diễn ra trên lĩnh vực kinh tế?
- A. In và phát hành tiền giấy.
 - B. Đặt thêm các đơn vị hành chính.
 - C. Ban hành hình luật mới.
 - D. Thái hồi những binh sĩ già yếu.

Câu 26: Một trong những công trình kiến trúc cuối thế kỉ XIV bằng đá độc đáo bậc nhất của Việt Nam và thế giới, được UNESCO ghi danh là

- A. Luỹ Trường Dục. B. Luỹ Bán Bích. C. Thành Nhà Hồ. D. Kinh thành Huế.

Câu 27: Nội dung nào dưới đây **không** phản ánh đúng bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Kinh tế phát triển, đất nước thái bình, thịnh trị. B. Nhà Trần khủng hoảng, suy yếu nghiêm trọng.
C. Kinh tế trì trệ, nạn mất mùa xảy ra liên tiếp. D. Các cuộc khởi nghĩa nông dân nổ ra khắp nơi.

Câu 28: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng bối cảnh lịch sử cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Nhà Trần lâm vào tình trạng khủng hoảng, suy yếu trên nhiều lĩnh vực.
B. Hàng loạt cuộc khởi nghĩa chống giặc Minh bùng lên ở khắp mọi nơi.
C. Đất nước độc lập, tự chủ, kinh tế phát triển hơn so với giai đoạn trước.
D. Đất nước có nhiều biến động song nền kinh tế vẫn tiếp tục phát triển.

Câu 29: Nội dung nào sau đây là một trong những cải cách về chính trị của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Hạn chế gia nô, chủ gia nô chỉ được có một số nô tì nhất định.
B. Hạn chế sự phát triển thái quá của Phật giáo và Đạo giáo.
C. Xóa bỏ tình trạng che giấu, gian dối về ruộng đất.
D. Thành lập nhiều cơ quan, đặt ra nhiều chức quan mới.

Câu 30: Nội dung nào sau đây là một trong những cải cách về xã hội của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Sửa đổi nội dung các khoa thi. B. Ban hành quy chế và hình luật mới.
C. Kiểm soát hộ tịch trên cả nước. D. Khuyến khích sử dụng chữ Nôm.

Câu 31: Ý nào sau đây **không phải** là nội dung cải cách trên lĩnh vực văn hóa - giáo dục của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Dịch sách từ chữ Nôm sang chữ Hán. B. Chấn chỉnh lại chế độ thi cử, mở rộng việc học.
C. Đề cao Nho giáo thực dụng, chống giáo điều. D. Dùng chữ Nôm để chấn hưng văn hóa dân tộc.

Câu 32: Nội dung nào sau đây là cải cách trên lĩnh vực quân sự - quốc phòng của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A. Xây dựng phòng tuyến chống giặc trên sông Như Nguyệt.
B. Ban hành quy chế và hình luật mới của quốc gia.
C. Cải tiến vũ khí, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến.
D. Bố trí mai phục và đóng cọc gỗ trên sông Bạch Đằng.

Câu 33: Tăng cường kiểm tra giám sát quan lại đặc biệt là ở các cấp địa phương là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ trên lĩnh vực

- A. tổ chức chính quyền, luật pháp. B. quân đội, quốc phòng.
C. kinh tế, xã hội. D. văn hóa, giáo dục.

Câu 34: Dưới triều Hồ, những tôn giáo nào bị suy giảm vai trò và vị trí so với các triều đại trước?

- A. Nho giáo và đạo giáo. B. Phật giáo và Đạo giáo.
C. Hin-đu giáo và Hồi giáo. D. Đạo Thiên chúa và Phật giáo.

Câu 35: Với cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ cuối thế kỉ XIV, đầu thế kỉ XV, hệ tư tưởng nào từng bước trở thành ý thức hệ tư tưởng chủ đạo của xã hội Đại Việt?

- A. Nho giáo. B. Phật giáo. C. Đạo giáo. D. Thiên chúa giáo.

Câu 36: Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đưa đến sự xác lập bước đầu của thể chế quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền theo đường lối

- A. nhân trị. B. đức trị. C. thần trị. D. pháp trị.

BÀI 10: CUỘC CẢI CÁCH CỦA LÊ THÁNH TÔNG (THẾ KỈ XV)

Câu 1: Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông được tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Nội bộ triều đình có nhiều mâu thuẫn, biến động.
B. Nền kinh tế sa sút, nạn đói diễn ra thường xuyên.
C. Đất nước đứng trước nguy cơ bị nhà Minh xâm lược.
D. Chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

Câu 2: Công cuộc cải cách của Lê Thánh Tông được tiến hành trên mọi lĩnh vực, nhưng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực

- A. kinh tế. B. giáo dục. C. hành chính. D. văn hóa.

Câu 3: Để quản lý đất nước, vua Lê Thánh Tông đã cho ban hành bộ luật nào sau đây?

- A. Hình thư. B. Quốc triều hình luật. C. Hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 4: Trong lĩnh vực văn hóa, Lê Thánh Tông đặc biệt đề cao hệ tư tưởng

- A. Phật giáo. B. Đạo giáo. C. Nho giáo. D. Thiên chúa giáo.

Câu 5: Ban cấp ruộng đất ruộng đất cho quý tộc, quan lại cao cấp từ nhất phẩm đến tứ phẩm là nội dung chủ yếu của chính sách cải cách nào sau đây của vua Lê Thánh Tông?

- A. Quân điền. B. Hạng điền. C. Hạng nô. D. Lộc điền.

Câu 6: Ruộng đất công ở các làng xã thời Lê Thánh Tông được phân chia theo chế độ nào sau đây?

- A. Điền trang. B. Lộc điền. C. Quân điền. D. Hạng điền.

Câu 7: Dưới thời vua Lê Thánh Tông, hệ thống cơ quan phụ trách đạo thừa tuyên có tên gọi là

- A. Tam ty. B. Lục bộ. C. Lục khoa. D. Thông chính ty.

Câu 8: Năm 1471, vua Lê Thánh Tông cho lập thêm đạo thừa tuyên thứ 13 có tên gọi là

- A. Hà Nội. B. Phú Xuân. C. Quảng Nam. D. Tây Đô.

Câu 9: Trong cuộc cải cách thế kỉ XV, dưới đạo thừa tuyên, vua Lê Thánh Tông thiết lập hệ thống

- A. phủ, huyện/châu, xã. B. tỉnh/thành phố, huyện, xã.
C. lộ, trấn, phủ, huyện/châu. D. tỉnh, phủ, huyện, làng.

Câu 10: Dưới thời vua Lê Thánh Tông, hệ thống quan lại được tuyển chọn chủ yếu thông qua

- A. dòng dõi tôn thất. B. tiến cử. C. giáo dục – khoa cử. D. đề cử.

Câu 11: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng mục đích cải cách của vua Lê Thánh Tông?

- A. Tăng cường quyền lực của hoàng đế và củng cố bộ máy nhà nước.
B. Giải quyết tình trạng khủng hoảng trầm trọng của đất nước bấy giờ.
C. Biến nước ta trở thành cường quốc lớn mạnh hàng đầu trong khu vực.
D. Tăng cường tiềm lực đất nước chuẩn bị đối phó với giặc ngoại xâm.

Câu 12: Để tập trung quyền lực vào nhà vua, Lê Thánh Tông đã

- A. Bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan cũ. B. Chú trọng đổi mới giáo dục khoa cử.
C. Ban hành chính sách hạn điền và hạn nô. D. Coi trọng bảo vệ quyền lợi phụ nữ, trẻ em

Câu 13: “Đây là một bộ luật đầy đủ... gồm hơn 700 điều, quy định khá đầy đủ tội danh và hình phạt liên quan đến hầu hết các hoạt động xã hội, bảo vệ quyền hành của giai cấp thống trị, một số quyền lợi chân chính của nhân dân và an ninh đất nước”. Nhận xét trên đề cập đến bộ luật nào sau đây?

- A. Hình luật. B. Hình thư. C. Quốc triều hình luật. D. Hoàng Việt luật lệ.

Câu 14: Năm 1460, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã tiến hành

- A. cuộc cải cách trên nhiều lĩnh vực. B. mở cuộc tiến công sang Trung Quốc.
C. công cuộc thống nhất đất nước. D. khuyến khích phát triển ngoại thương.

Câu 15: Một trong những điểm mới và tiến bộ của bộ luật Quốc triều hình luật là

- A. đề cao quyền tự do, dân chủ của nhân dân. B. bảo vệ tuyệt đối quyền và lợi ích của vua.
C. bảo vệ quyền và lợi ích của quân cấm binh. D. bảo vệ quyền lợi và địa vị của người phụ nữ.

Câu 16: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về chức năng của Lục bộ dưới thời vua Lê Thánh Tông?

- A. Cơ quan giúp việc cho Lục Tự, Lục khoa. B. Theo dõi, giám sát hoạt động của Lục khoa.
C. Cơ quan cao cấp chủ chốt trong triều đình. D. Phụ trách hoạt động quân sự của nhà nước.

Câu 17: Nội dung nào sau đây **không** phải là cải cách hành chính ở cấp trung ương của vua Lê Thánh Tông?

- A. Chia đất nước thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.
B. Xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn.
C. Giữ lại một số ít quan đại thần cùng vua bàn việc khi cần.
D. Tổ chức hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục Bộ, Lục khoa.

Câu 18: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa cải cách của vua Lê Thánh Tông thế kỉ XV?

- A. Nâng cao tiềm lực quốc gia, đẩy lùi nguy cơ ngoại xâm cận kề.
B. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng trầm trọng.
C. Góp phần ổn định và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội Đại Việt.
D. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ và hành chính.

- Câu 19:** Nội dung nào sau đây **không** phải là cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực hành chính?
- Thành lập Lục bộ đảm nhiệm công việc chủ yếu của quốc gia.
 - Tăng cường chế độ kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan.
 - Chia cả nước từ 5 đạo thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.
 - Đề cao Nho giáo, đưa Nho giáo trở thành hệ tư tưởng độc tôn.
- Câu 20:** Nội dung nào sau đây là cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực văn hóa – giáo dục?
- Quy định chặt chẽ chế độ khoa cử.
 - Thành lập Lục khoa giám sát Lục bộ.
 - Ban hành chế độ lộc điền và quân điền.
 - Hạn chế quyền lực của vương hầu, quý tộc.
- Câu 21:** Nội dung nào sau đây là cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực quân đội, quốc phòng?
- Bãi bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn.
 - Chú trọng xây dựng đội ngũ quan lại có phẩm chất tốt.
 - Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật quản lý đất nước.
 - Tổ chức các kì thi khảo võ nghệ để tuyển chọn tướng sĩ.
- Câu 22:** Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm giống nhau giữa cải cách của Hồ Quý Ly và vua Lê Thánh Tông?
- Cải cách chủ yếu mô phỏng theo mô hình nhà Minh (Trung Quốc).
 - Cải cách thành công trọn vẹn và mang tính triệt để trên mọi lĩnh vực.
 - Cải cách nhằm tập trung quyền lực về tay vua và triều đình trung ương.
 - Cải cách toàn diện, quy mô lớn nhưng tập trung vào lĩnh vực quân đội.
- Câu 23:** Phân chia ruộng công ở các làng xã cho quan lại từ tam phẩm trở xuống đến các tầng lớp nhân dân là nội dung chủ yếu của chính sách cải cách nào sau đây của vua Lê Thánh Tông?
- Quân điền.
 - Hạn điền.
 - Hạn nô.
 - Lộc điền.
- Câu 24:** Công cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông thế kỉ XV **không** được tiến hành trên lĩnh vực nào?
- Hành chính.
 - Giáo dục.
 - Kinh tế.
 - Ngoại giao.
- Câu 25:** “Coi trọng biên soạn quốc sử” là nội dung cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực nào sau đây?
- Quân đội.
 - Văn hóa.
 - Luật pháp.
 - Kinh tế.
- Câu 26:** Trong nội dung cải cách, Hồ Quý Ly và vua Lê Thánh Tông đều
- bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan cũ có nhiều quyền lực.
 - khuyến khích và đề cao sử dụng chữ Nôm trong thi cử.
 - hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn của quý tộc tôn thất.
 - tăng cường cơ chế giám sát, ràng buộc nhau giữa các cơ quan.
- Câu 27:** Năm 1484, vua Lê Thánh Tông quyết định cho dựng bia ghi tên Tiến sĩ nhằm
- tập trung quyền lực vào tay vua và triều đình trung ương.
 - đề cao Nho học và tôn vinh các bậc trí thức Nho học.
 - phát huy những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc.
 - tăng cường sự ràng buộc lẫn nhau giữa các cơ quan.
- Câu 28:** Nội dung nào sau đây **không** phải là cải cách hành chính ở cấp địa phương của vua Lê Thánh Tông?
- Chia đất nước thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.
 - Xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn.
 - Thành lập cơ quan đứng đầu các đạo Thừa tuyên là Tam ty.
 - Bãi bỏ lộ, trấn cũ, thành lập hệ thống phủ, huyện/châu, xã.
- Câu 29:** Nội dung nào sau đây là một trong những ý nghĩa về cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông ở thế kỉ XV?
- Mở ra khả năng độc lập, tự chủ đầu tiên cho dân tộc ta.
 - Làm chuyển biến toàn bộ các hoạt động của quốc gia.
 - Tạo thế và lực cho ta đánh bại quân xâm lược Minh.
 - Tạo tiền đề cho cuộc chiến tranh xâm lược phương Bắc.
- Câu 30:** Để tăng cường sức mạnh quân đội, trong cải cách của mình, vua Lê Thánh Tông đã
- Quy định chặt chẽ kỉ luật quân đội và huấn luyện, tập trận.
 - Thải hồi những binh sĩ già yếu, bổ sung người khỏe mạnh.
 - Tăng cường tuyển quân quy mô lớn, ở ạt ở các địa phương.
 - Chú trọng cải tiến vũ khí, phòng thủ những nơi hiểm yếu.

Bài 11. CUỘC CẢI CÁCH CỦA MINH MẠNG (NỬA ĐẦU THẾ KỈ XIX)

Câu 1: Cuộc cải cách hành chính lớn nhất của vương triều Nguyễn được tiến hành dưới thời vua

- A. Gia Long. B. Minh Mạng. C. Tự Đức. D. Thiệu Trị.

Câu 2: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) được thực hiện trong bối cảnh nào sau đây?

- A. Chế độ quân chủ chuyên chế đang trong thời kì thịnh trị.
B. Phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa phát triển mạnh.
C. Bộ máy chính quyền nhà nước chưa hoàn thiện, đồng bộ.
D. Đất nước đứng trước nguy cơ xâm lược từ nhà Thanh.

Câu 3: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) nhằm thực hiện một trong những mục đích nào sau đây?

- A. Tập trung quyền lực vào tay vua. B. Thúc đẩy kinh tế tư bản chủ nghĩa.
C. Ngăn ngừa nguy cơ giặc ngoại xâm. D. Khôi phục nền giáo dục Nho học.

Câu 4: Để hoàn thiện bộ máy chính quyền Trung ương, vua Minh Mạng đã cho thành lập một số cơ quan mới có tên là

- A. Lục bộ, Lục khoa, Lục tự. B. Đô ty, Thừa ty, Hiến ty.
C. Đô sát viện, Cơ mật viện. D. Thông chính ty, Quốc Tử Giám.

Câu 5: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) tập trung vào lĩnh vực chủ yếu nào sau đây?

- A. Kinh tế. B. Văn hóa. C. Quốc phòng. D. Hành chính.

Câu 6: Trong cuộc cải cách nửa đầu thế kỉ XIX, vua Minh Mạng đã phân chia bộ máy chính quyền địa phương thành các cấp nào sau đây?

- A. Đạo thừa tuyên, phủ, huyện/châu, xã. B. Tỉnh/thành phố, huyện/châu, xã.
C. Lộ, trấn, phủ, huyện/châu, xã. D. Tỉnh, phủ, huyện/châu, tổng, xã.

Câu 7: Nội dung nào sau đây **không** phải là hoạt động cải cách của vua Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX?

- A. Hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục bộ. B. Ban hành chính sách hạn điền và hạn nô.
C. Tăng cường giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan. D. Phân chia lại đơn vị hành chính ở cấp địa phương.

Câu 8: Trong công cuộc cải cách của vua Minh Mạng, Nội các được thành lập có vai trò nào sau đây?

- A. Giúp vua khởi thảo các văn bản hành chính. B. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Lục bộ.
C. Phụ trách nhân khẩu, thu thuế trong cả nước. D. Xướng danh những người đỗ trong kì thi Đình.

Câu 9: Năm 1832, vua Minh Mạng cho thành lập Đô sát viện để thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Tiếp nhận và xử lý các loại công văn, giấy tờ. B. Can gián nhà vua và giám sát các cơ quan.
C. Phụ trách nhân khẩu, thu thuế trong cả nước. D. Phụ trách bang giao, đón tiếp sứ thần nước ngoài.

Câu 10: Trong cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX), đứng đầu tỉnh là

- A. Đô ty, Thừa ty, Hiến ty. B. Lục bộ, Lục khoa.
C. Tổng đốc, Tuần phủ. D. Lục khoa, Lục tự.

Câu 11: Công cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) đã đem lại một trong những kết quả nào sau đây?

- A. Đưa đất nước phát triển lên chế độ tư bản chủ nghĩa.
B. Thúc đẩy bộ máy chính quyền các cấp hoạt động hiệu quả.
C. Góp phần mở cửa và hội nhập nền kinh tế khu vực.
D. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Câu 12: Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng kết quả cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)?

- A. Xây dựng được chế độ quân chủ trung ương tập quyền cao độ.
B. Thống nhất đơn vị hành chính địa phương trong cả nước.
C. Tổ chức cơ cấu bộ máy nhà nước gọn nhẹ, chặt chẽ.
D. Xây dựng chế độ quân chủ trung ương phân quyền cao độ.

Câu 13: Trong bộ máy chính quyền trung ương thời Minh Mạng, Cơ mật viện có vai trò tư vấn cho nhà vua về

- A. văn hóa. B. quân sự. C. giáo dục. D. luật pháp.

Câu 14: Ở địa phương, trong công cuộc cải cách hành chính nửa đầu thế kỉ XIX, vua Minh Mạng đã chia cả nước thành

- A. 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên. B. Bắc Thành, Gia Định thành.
C. 13 đạo thừa tuyên và các phủ. D. các lộ, trấn, phủ, huyện/châu.

Câu 15. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) được thực hiện trong bối cảnh

- A. tình hình an ninh – xã hội ở nhiều địa phương bất ổn.
- B. bộ máy nhà nước phong kiến cơ bản đã hoàn chỉnh.
- C. tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất đã khắc phục.
- D. phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa thâm nhập mạnh.

Câu 16. Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất.
- B. Tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước.
- C. Tập trung quyền lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước.
- D. Xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.

Câu 17. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.
- B. ngăn chặn mọi nguy cơ xâm lược từ bên ngoài.
- C. đặt cơ sở cho sự phân chia tỉnh, huyện hiện nay.
- D. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Câu 18. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm giống nhau nào sau đây?

- A. Nâng cao vai trò quản lí của chính quyền ở trung ương.
- B. Khuyến khích, tạo điều kiện cho ngoại thương phát triển.
- C. Ưu tiên cho sự nghiệp thống nhất đất nước về lãnh thổ.
- D. Chú trọng phát triển kinh tế, xã hội theo hướng tư bản.

Câu 19. Một trong những di sản lớn nhất trong cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) còn giá trị đến ngày nay là

- A. cách thức tổ chức bộ máy nhà nước ở trung ương.
- B. cách thức phân chia đơn vị hành chính cấp tỉnh.
- C. tập trung cao độ quyền lực vào trong tay nhà vua.
- D. ưu tiên bổ nhiệm quan lại là người ở địa phương.

Câu 20. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm khác biệt nào sau đây?

- A. Thành lập lục Bộ để giúp việc cho nhà vua.
- B. Tăng cường quyền lực tuyệt đối của nhà vua.
- C. Thành lập các cơ quan Nội các và Cơ mật viện.
- D. Củng cố chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền.

Câu 21: Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng được thực hiện trên cơ sở học tập chủ yếu mô hình của vương triều nào sau đây ở Trung Quốc?

- A. Nhà Nguyên.
- B. Nhà Thanh.
- C. Nhà Tống.
- D. Nhà Đường.

Câu 22: Một trong những hạn chế trong cải cách của vua Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX là

- A. cải cách nặng về củng cố vương triều, ít chú ý đến cải thiện dân sinh
- B. cải cách làm tăng thêm tình trạng cát cứ, phân quyền ở các địa phương
- C. sự giám sát, ràng buộc lẫn nhau giữa các cơ quan, chức quan mờ nhạt
- D. bộ máy nhà nước công kênh, hoạt động kém hiệu quả hơn thời kì trước

Câu 23: Dưới thời Minh Mạng, triều đình tăng cường quyền kiểm soát đối với vùng dân tộc thiểu số thông qua việc

- A. thiết lập chế độ thổ quan
- B. bãi bỏ quyền thế tập của tù trưởng.
- C. gả công chúa cho các tù trưởng
- D. bổ lưu quan (quan lại người Kinh)

Câu 24: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX đã đưa đến

- A. sự phát triển thịnh trị đạt đến đỉnh cao trong lịch sử của chế độ quân chủ Việt Nam.
- B. sự xác lập của mô hình quản lý nhà nước hoàn toàn độc đáo so với thế giới lúc bấy giờ.
- C. sự xác lập của nền quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền cao độ mang tính quan liêu.
- D. sự xác lập của nền quân chủ chuyên chế trung ương tập quyền cao độ mang tính quý tộc.

Câu 25: Trong cải cách của vua Minh Mạng, cơ quan tư vấn tối cao cho nhà vua về những vấn đề quân sự quan trọng được gọi là

- A. Hàn lâm viện.
- B. Cơ mật viện.
- C. Nội các.
- D. Đô sát viện.

Câu 26: Một trong những tác dụng tích cực của cải cách hành chính thời vua Minh Mạng là góp phần

- A. tạo điều kiện phát triển kinh tế theo hướng tư bản.
- B. hạn chế sự tham nhũng và lộng hành của quan lại.
- C. khích lệ người dân tích cực thi cử và ra làm quan.
- D. phát triển nền văn hóa mang đậm bản sắc dân tộc.

Câu 27: Vua Minh Mạng cải cách hệ thống chính trị - hành chính chặt chẽ, gọn nhẹ từ trung ương đến địa phương **không** nhằm mục tiêu nào dưới đây?

- A. Nâng cao năng lực hệ thống quan chức ở trung ương.
- B. Thống nhất đất nước, xác lập chủ quyền lãnh thổ.
- C. Thiết lập nên nhà nước quân chủ phong kiến tập quyền.
- D. Hạn chế tối đa quyền tự trị của làng xã, địa phương.

Câu 28: Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) và cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông (thế kỉ XV) có điểm khác biệt nào sau đây?

- A. Thành lập lục Bộ để giúp việc cho nhà vua.
- B. Tăng cường quyền lực tuyệt đối của nhà vua.
- C. Củng cố chế độ quân chủ chuyên chế tập quyền.
- D. Chia cả nước thành 30 tỉnh và phủ Thừa Thiên.

Câu 29: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng điểm giống nhau trong cải cách của Hồ Quý Ly (thế kỉ XV) và vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX)?

- A. Được tiến hành khi đất nước đang lâm vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng.
- B. Cải cách nhằm tăng cường quyền lực của vua và hiệu quả của bộ máy nhà nước.
- C. Cải cách nhằm hướng đến cải thiện dân sinh, phát triển kinh tế - xã hội đất nước.
- D. Cải cách nặng về mô phỏng, dập khuôn bên ngoài mà ít có sự sáng tạo, cải biến.

Câu 30: Một trong những cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương được thành lập từ thời vua Minh Mạng là

- A. Đô sát viện.
- B. Quốc tử giám.
- C. Hồng lô tự.
- D. Thông chính ty.

Chủ đề 6: LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG

Bài 12. VỊ TRÍ VÀ TẦM QUAN TRỌNG CỦA BIỂN ĐÔNG

Câu 1: Biển Đông là biển thuộc khu vực nào sau đây?

- A. Ấn Độ Dương.
- B. Thái Bình Dương.
- C. Đại Tây Dương.
- D. Địa Trung Hải.

Câu 2: Biển Đông có vị trí chiến lược quan trọng ở khu vực châu Á- Thái Bình Dương về lĩnh vực nào sau đây?

- A. Văn hóa - Thể thao.
- B. Giáo dục - Y tế.
- C. Quốc phòng - an ninh.
- D. Văn hóa - giáo dục.

Câu 3: Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người dân ở một số nước thuộc khu vực nào sau đây?

- A. Châu Phi.
- B. Châu Mỹ.
- C. Châu Âu.
- D. Châu Á-Thái Bình Dương.

Câu 4: Các cảng biển lớn trên Biển Đông có vai trò như thế nào?

- A. Điểm trung chuyển của tàu thuyền.
- B. Nơi giao lưu kinh tế, văn hóa.
- C. Điểm tập trung phát triển du lịch.
- D. Nơi giải quyết các vấn đề xã hội.

Câu 5: Theo Tổ chức Lương thực và nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), Biển Đông là vùng biển có sản lượng nào sau đây lớn nhất thế giới?

- A. Nông nghiệp.
- B. Lương thực.
- C. Chăn nuôi.
- D. Đánh bắt hải sản.

Câu 6: Các nước Đông Nam Á ven biển đang được hưởng lợi ích trực tiếp từ Biển Đông trong vấn đề phát triển nào sau đây?

- A. Chính trị.
- B. Quân sự.
- C. Kinh tế.
- D. Văn hóa.

Câu 7: Nguồn tài nguyên thiên nhiên đa dạng của Biển Đông **không** có giá trị cao đối với hoạt động nào sau đây?

- A. Nguyên cứu khoa học.
- B. Phục vụ đời sống của người dân.
- C. Phát triển kinh tế - xã hội.
- D. Diễn tập quân sự ngoài biển.

Câu 8: Một trong những loại khoáng sản ở Biển Đông có giá trị đặc biệt quan trọng đối với sự phát

triển kinh tế của một quốc gia là?

- A. Than. B. Dầu khí. C. Đồng. D. Sắt.

Câu 9: Eo biển nào sau đây là điểm điều tiết giao thông quan trọng bậc nhất ở châu Á?

- A. Eo Magellan. B. Eo Mackinac.
C. Eo Ma-lắc-ca. D. Eo Makassar.

Câu 10: Quần đảo nào sau đây thuộc chủ quyền của Việt Nam nằm ở trung tâm của Biển Đông?

- A. Borneo. B. Greenland.
C. Trường Sa. D. New Guinea.

Câu 11: Các đảo và quần đảo nào sau đây ở Biển Đông **không** thuộc chủ quyền của Việt Nam?

- A. Trường Sa. B. Hoàng Sa. C. Chàng Tây. D. Đông Sa.

Câu 12: Nguồn tài nguyên, khoáng sản, du lịch đa dạng là điều kiện để các đảo trên biển Đông phát triển lĩnh vực nào sau đây?

- A. Kiểm soát, đảm bảo an ninh giao thông trên biển.
B. Xây dựng cơ sở hậu cần, kỹ thuật, phục vụ quân sự.
C. Phát triển hoạt động kinh tế có tầm chiến lược.
D. Thuận lợi xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân.

Câu 13: Hiện nay Hoàng Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh, thành phố nào ở Việt Nam?

- A. Thành phố Đà Nẵng. B. Bà Rịa – Vũng Tàu.
C. Cà Mau. D. Kiên Giang.

Câu 14: Hiện nay Trường Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của tỉnh nào ở Việt Nam?

- A. Đà Nẵng. B. Kiên Giang. C. Khánh Hòa. D. Cà Mau.

Câu 15: Quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam ngoài có vị trí chiến lược về kinh tế, còn có vị trí chiến lược về

- A. văn hóa - xã hội. B. giao thông vận tải.
C. quốc phòng - an ninh. D. khoa học - kỹ thuật.

Câu 16: Khu vực biển của quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa chứa đựng tài nguyên băng cháy lớn, được coi là nguồn năng lượng thay thế

- A. titan. B. thiếc. C. diricon. D. dầu khí.

Câu 17: Quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa của Việt Nam có thế mạnh về ngành kinh tế nào sau đây?

- A. Nuôi trồng và đánh bắt thủy hải sản. B. Dịch vụ hàng hải và chăm sóc khách hàng.
C. Dịch vụ hàng hải và đánh bắt hải sản. D. Khai thác tài nguyên khoáng sản.

Câu 18: Biển Đông có vị trí quan trọng trong lĩnh vực nào của ngành hàng hải quốc tế?

- A. Giao thông. B. Kinh tế. C. Chính trị. D. Văn hóa.

Câu 19: Biển Đông là “cầu nối” giữa Thái Bình Dương và đại dương nào sau đây?

- A. Bắc Băng Dương. B. Ấn Độ Dương.
C. Đại Tây Dương. D. Địa Trung Hải.

Câu 20: Tuyến đường vận tải quốc tế qua Biển Đông được coi là nhộn nhịp thứ 2 trên thế giới chỉ sau

- A. Địa Trung Hải. B. Ả Rập. C. Caribê. D. Tây Ban Nha.

Câu 21: Yếu tố nào **không** tạo nên vị thế chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa trên biển Đông?

- A. Vị trí án ngữ đường hàng hải quốc tế. B. Nhiều hải sản quý, giá trị kinh tế cao.
C. Kiểm soát đường hàng hải trên biển Đông. D. Trung Quốc luôn có âm mưu chiếm giữ trái phép.

Câu 22: Về mặt an ninh, quốc phòng, Biển Đông có vai trò quan trọng như thế nào đối với Việt Nam?

- A. Tuyến phòng thủ chiến lược quan trọng.
B. Cung cấp nguồn thức ăn cho cư dân ven biển.
C. Tạo điều kiện để phát triển những ngành kinh tế biển.
D. Nơi trao đổi hội nhập của nhiều nền văn hóa.

Câu 23: Về mặt văn hóa, Biển Đông có vai trò quan trọng như thế nào đối với các nước trong khu vực?

- A. Tuyến phòng thủ chiến lược quan trọng.
B. Cung cấp nguồn thức ăn cho cư dân ven biển.
C. Tạo điều kiện để phát triển những ngành kinh tế biển.
D. Nơi trao đổi hội nhập của nhiều nền văn hóa.

Câu 24: Về mặt kinh tế, Biển Đông có vai trò quan trọng như thế nào đối với Việt Nam?

- A. Đóng vai trò quan trọng trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.
- B. Cửa ngõ để Việt Nam có quan hệ trực tiếp với các vùng miền.
- C. Tạo điều kiện để phát triển những ngành kinh tế mũi nhọn.
- D. Cung cấp nguồn lương thực chính cho cư dân ven biển.

Câu 25: Đối với lĩnh vực giao thông trên biển, vị trí của quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa có thuận lợi gì?

- A. Xây dựng các trạm thông tin, dừng chân, tiếp nhiên liệu cho các tàu.
- B. Xây dựng các tuyến phòng thủ nhiều tầng bảo vệ đất liền.
- C. Nuôi trồng, chế biến thủy sản, khai thác được liệu biển và khoáng sản.
- D. Xây dựng các khu bảo tồn, trung tâm nghiên cứu sinh vật biển.

Câu 26: Đối với quốc phòng, an ninh, quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa có tầm quan trọng như thế nào?

- A. Xây dựng các trạm thông tin, dừng chân, tiếp nhiên liệu cho các tàu.
- B. Hình thành tuyến phòng thủ nhiều tầng bảo vệ đất liền.
- C. Nuôi trồng, chế biến thủy sản, khai thác được liệu biển và khoáng sản.
- D. Xây dựng các khu bảo tồn, trung tâm nghiên cứu sinh vật biển.

Câu 27: Hiện nay, trên Biển Đông đang tồn tại loại hình tranh chấp nào sau đây?

- A. Xây dựng cơ sở hậu cần - kỹ thuật phục vụ hoạt động quân sự.
- B. Xây dựng các khu bảo tồn biển, trung tâm nghiên cứu sinh vật.
- C. Chủ quyền lãnh thổ đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- D. Việc khai thác tài nguyên nông - lâm – thủy hải sản.

Câu 28: Những loại hình tranh chấp nào sau đây hiện đang tồn tại ở quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa của Việt Nam?

- A. Tranh chấp chủ quyền lãnh thổ và vị trí chiếm đóng.
- B. Tranh chấp trong việc xác định ranh giới các vùng miền.
- C. Tranh chấp về vùng lãnh thổ đối với các quốc gia.
- D. Tranh chấp về khai thác thủy sản trên Biển Đông.

Bài 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG

Câu 1: Việt Nam nằm ở phía nào của Biển Đông?

- A. Phía Đông Nam.
- B. Phía Tây.
- C. Phía Nam.
- D. Phía Tây Bắc.

Câu 2: Biển Đông nước ta góp phần quan trọng vào việc phát triển các ngành kinh tế trọng điểm **ngoại trừ**

- A. nông nghiệp trồng lúa nước.
- B. thương mại hàng hải.
- C. nuôi trồng thủy sản.
- D. du lịch - dịch vụ.

Câu 3: Hệ thống các cảng nước sâu và cảng trung bình được xây dựng dọc bờ Biển Đông là điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển ngành kinh tế chủ yếu nào sau đây?

- A. nông nghiệp trồng lúa nước.
- B. thương mại hàng hải.
- C. nuôi trồng thủy sản.
- D. khai thác tài nguyên sinh vật biển.

Câu 4: Quốc gia đầu tiên khai phá, xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là

- A. Việt Nam.
- B. Trung Quốc.
- C. Thái Lan.
- D. Campuchia.

Câu 5: Dưới thời chúa Nguyễn thế kỉ XVII, tổ chức nào sau đây có nhiệm vụ đến khai thác sản vật, thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa?

- A. Đội Hoàng Sa.
- B. Đội Trường Sa.
- C. Đội Bắc Hải.
- D. Cảnh sát biển.

Câu 6: Dưới thời chúa Nguyễn Phúc Chu, đầu thế kỉ XVIII, tổ chức nào sau đây có nhiệm vụ đến khai thác sản vật, kiểm tra, kiểm soát, thực thi chủ quyền của Việt Nam ở khu vực Bắc Hải, đảo Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên?

- A. Đội Hoàng Sa.
- B. Đội Trường Sa.
- C. Đội Bắc Hải.
- D. Cảnh sát biển.

Câu 7: Nhằm bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông, hình thức đấu tranh nào sau đây **không** được nhà nước Việt Nam áp dụng?

- A. Chủ động tấn công vũ trang.
- B. Vũ trang tự vệ.
- C. Đàm phán ngoại giao.
- D. Hỗ trợ ngư dân bám biển.

Câu 8: Lực lượng chính quy chủ chốt thực hiện nhiệm vụ bảo vệ chủ quyền biển đảo ở Việt Nam hiện nay là

A. Hải quân.

B. Không quân.

C. Phòng không.

D. Công binh.

Câu 9: Chủ trương nhất quán của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong việc hợp tác giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông hiện nay là sử dụng biện pháp đấu tranh nào?

A. Đấu tranh hòa bình.

B. Bạo lực cách mạng.

C. Khởi nghĩa vũ trang.

D. Kết hợp hòa bình với bạo lực.

Câu 10: Để khẳng định chủ quyền biển, đảo Việt Nam, văn bản pháp luật nào có vai trò đặc biệt quan trọng?

A. Hiến pháp.

B. Luật Biển Việt Nam.

C. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển.

D. Luật Dân quân tự vệ.

Câu 11: Bộ các quy định về sử dụng các đại dương của thế giới được thể hiện trong văn kiện nào sau đây?

A. Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông.

B. Luật Biển Việt Nam.

C. Công ước Liên hợp quốc về Luật Biển.

D. Bộ quy tắc ứng xử tại biển Đông.

Câu 12: Để bảo vệ và thực thi chủ quyền ở Biển Đông, nhà nước Việt Nam đã có hoạt động nào?

A. Ban hành các chính sách, biện pháp và hành động cụ thể.

B. Thỏa hiệp với các quốc gia cùng chung Biển Đông.

C. Sử dụng bạo lực để khẳng định chủ quyền trên Biển Đông.

D. Giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông bằng biện pháp phi hòa bình.

Câu 13: Trong các thế kỷ XVII - XVIII, chúa Nguyễn đã tổ chức 2 đội quân ra Hoàng Sa và Trường Sa, đó là những đội quân nào?

A. “Hoàng Sa” - “Cát Vàng”.

B. “Cát Vàng” - “Bắc Hải”.

C. “Cánh Dương” - “Bình Sơn”.

D. “Hoàng Sa” - “Bắc Hải”.

Câu 14: Cảnh quan ở Biển Đông đa dạng với nhiều bãi cát, vịnh, hang động, tạo điều kiện cho Việt Nam phát triển ngành kinh tế mũi nhọn nào sau đây?

A. Công nghiệp khai khoáng.

B. Du lịch.

C. Thương mại biển.

D. Giao thông hàng hải.

Câu 15: Ý nào sau đây phản ánh **không** đúng tầm quan trọng của Biển Đông về quốc phòng, an ninh đối với Việt Nam?

A. Cửa ngõ, tuyến phòng thủ bảo vệ đất liền từ xa.

B. Bảo vệ an ninh hàng hải, chủ quyền lãnh thổ.

C. Con đường giao thương giữa các vùng trong cả nước.

D. Góp phần phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

Câu 16: Đối với Việt Nam, Biển Đông có tầm quan trọng chiến lược như thế nào trong phát triển các ngành kinh tế trọng điểm?

A. Tạo điều kiện để nước ta giao lưu, hội nhập với các nền văn hóa khác.

B. Điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng bậc nhất ở Châu Á.

C. Góp phần quan trọng vào việc phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

D. Tuyến hàng hải nhộn nhịp lớn thứ hai trên thế giới với lượng hàng hóa lớn.

Câu 17: Tháng 6/2012, Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII đã thông qua văn bản pháp luật nào sau đây?

A. Luật An ninh quốc gia.

B. Luật Biên giới quốc gia.

C. Sách trắng quốc phòng.

D. Luật Biển Việt Nam.

Câu 18: Trong kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ, đảo nào sau đây được mệnh danh là “Địa ngục trần gian”?

A. Đảo Lý Sơn.

B. Đảo Phú Quốc.

C. Côn Đảo.

D. Đảo Cát Bà.

Câu 19: Nội dung nào sau đây **không** phải là hoạt động của Việt Nam để bảo vệ chủ quyền biển đảo?

A. Giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

B. Ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền, thông qua Luật Biển Việt Nam.

C. Nghiên cứu, chế tạo vũ khí hạt nhân nhằm đe dọa các nước có ý đồ muốn xâm phạm.

D. Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC).

Câu 20: Việc xác định chủ quyền của nước ta đối với các đảo và quần đảo trên biển lại có ý nghĩa rất lớn vì?

A. Các đảo và quần đảo có nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng.

B. Đây là cơ sở để khẳng định chủ quyền của nước ta với vùng biển và thềm lục địa.

C. Các đảo và quần đảo có cảnh quan đa dạng với nhiều vùng vịnh, bãi cát, hang động...

D. Các đảo và quần đảo là điểm trung chuyển của tàu thuyền, trao đổi và bốc dỡ hàng hóa.

Phần II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Nay quan gia còn trẻ thơ mà thiên tai xảy ra luôn, trầm (tức Lê Nhân Tông) rất lo sợ. Mỗi hại ngày nay có thể là do gây bè cánh, tiền cử không công bằng, có thể vì cậy thế công thần nơi tiềm để cho vợ con chạy chọt nhờ vả nơi quyền thế, có thể do để bọn gia nô làm hại dân lành, hay thậm thụt ở các nhà quyền thế để xin khỏi tội...”

(Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, *Đại Việt sử kí toàn thư*, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.372)

- a) Đoạn trích phản ánh mối lo ngại của vua Lê Nhân Tông về thực trạng kinh tế, chính trị của quốc gia lúc bấy giờ.
- b) Theo vua Lê Nhân Tông, một trong những nguyên nhân khiến triều đình có nhiều biến động là do tình trạng phe cánh, bè phái trong nội bộ hệ thống quan lại.
- c) Dưới thời vua Lê Nhân Tông, thiên tai xảy ra liên tiếp là do triều đình không quan tâm đến sản xuất nông nghiệp và đời sống nhân dân.
- d) Một bộ phận công thần dưới thời vua Lê Nhân Tông có nhiều biểu hiện của sự lộng quyền.

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1471, nhằm tăng cường sự kiểm soát chỉ đạo của vua đối với các triều thần, tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, Lê Thánh Tông đã bãi bỏ một số chức quan đại thần có công nhưng không có học thức, thay vào đó bằng các văn quan được tuyển chọn qua thi cử nhằm hạn chế chia bè, kéo cánh trong triều đình, hạn chế sự thao túng quyền lực của các công thần. Việc ông trực tiếp quản lí các bộ đã hạn chế sự công kênh, quan liêu của bộ máy hành chính”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 91)

- a) Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, quân sự.
- b) Một số quan lại đương chức nhưng không có học thức đã bị Lê Thánh Tông bãi bỏ, thay thế vào đó là những người được tuyển chọn qua hình thức khoa cử.
- c) Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đã thực hiện một số biện pháp thể hiện sự trọng dụng đặc biệt đối với bộ phận công thần trong triều.
- d) Những cải cách của Lê Thánh Tông năm 1471 đã khiến quyền lực được tập trung cao độ vào trong tay nhà vua.

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Biển Đông có nhiều cấu trúc địa lý như đảo san hô, bãi cạn, bãi ngầm,... Khí hậu mang tính chất nhiệt đới với nhiệt độ, lượng mưa thay đổi theo vĩ độ và mùa. Đặc biệt, đây là khu vực hình thành và hoạt động nhiều của áp thấp nhiệt đới, bão, sóng thần. Mỗi năm trung bình có 9 – 10 cơn bão hình thành và hoạt động trên Biển Đông thường từ tháng 5 đến hết tháng 10. Vị trí, địa lý và khí hậu đặc biệt tạo cho vùng Biển Đông sự đa dạng sinh học điển hình trên thế giới về cấu trúc thành phần loài động thực vật, hệ sinh thái và nguồn gen.

- a) Sự đa dạng về sinh học ở Biển Đông chủ yếu tập trung ở các loài động vật.
- b) Một trong những khó khăn của các quốc gia vùng ven Biển Đông là phải thường xuyên đối mặt với bão, sóng thần từ biển.
- c) Các loại thiên tai như bão, sóng thần... ở khu vực châu Á – Thái Bình Dương đều xuất phát từ Biển Đông.
- d) Yếu tố quy định sự đa dạng sinh học của Biển Đông là vị trí, địa lý và khí hậu.

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Vùng biển xung quanh các quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa tạo thành ngư trường khổng lồ cho đánh bắt hải sản xa bờ. Tại các đảo có thể phát triển ngành đóng tàu, ngư nghiệp và nuôi trồng thủy sản, du lịch, thể thao, nghỉ dưỡng. Trên các đảo có thể xây dựng các trung tâm bảo tồn sinh vật biển, nghiên cứu sự đa dạng sinh học khu vực Biển Đông. Tuy nhiên, do quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa cách xa bờ, khí hậu khắc nghiệt, thiếu nước ngọt, bão tố quanh năm, dân cư còn khá thưa thớt nên khó khăn cho xây dựng các cơ sở kinh tế.

- a) Đoạn tư liệu chỉ cung cấp thông tin về tiềm năng và những thuận lợi trong quá trình phát triển kinh tế ở quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- b) Các ngư trường đánh bắt hải sản xa bờ của nước ta ở Biển Đông chỉ được hình thành ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- c) Ngành đóng tàu và du lịch là một trong những thế mạnh có thể khai thác và phát triển ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
- d) Trở ngại duy nhất cho sự phát triển của Hoàng Sa và Trường Sa hiện nay là dân cư còn quá thưa thớt.

Phần III. Tự luận

Câu 1. Chứng minh “Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử”.

Nội dung
<i>* Thời chúa Nguyễn thế kỉ XVII- XVIII:</i> - Lập đội Hoàng Sa đến khai thác sản vật, thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Lập đội Bắc Hải để khai thác sản vật, kiểm tra, kiểm soát, thực thi chủ quyền ở khu vực Bắc Hải, đảo Côn Lôn và các đảo ở Hà Tiên.
<i>* Thời nhà Nguyễn (1802 – 1945)</i> - Tái lập đội Hoàng Sa và Bắc Hải. - Dưới thời Minh Mạng: kiểm tra, kiểm soát, khai thác sản vật hiếm, tổ chức thu thuế và cứu hộ tàu bị nạn. - Khảo sát, đo vẽ bản đồ, dựng miếu thờ, bia chủ quyền...
<i>* Từ 1945 – 1975:</i> - Pháp tiến hành xây dựng bia chủ quyền, trạm khí tượng, trạm vô tuyến điện, thực hiện một số khảo sát khoa học. - Pháp rút khỏi Việt Nam, chính quyền Việt Nam Cộng hòa tiếp quản và khẳng định chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa. - Tranh chấp giữa Việt Nam Cộng hòa và Trung Quốc để giành chủ quyền ở hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.
<i>* Từ 1975 đến nay:</i> Thực hiện quyền quản lý hành chính và đấu tranh pháp lí, ngoại giao để khẳng định chủ quyền biển đảo Việt Nam.

Câu 2: So sánh điểm giống và khác nhau giữa 3 cuộc cải cách của HỒ QUÝ LY, LÊ THÁNH TÔNG, MINH MẠNG.

1. Điểm giống nhau

- **Mục đích:** đều nhằm củng cố quyền lực tối cao của hoàng đế và bộ máy nhà nước quân chủ trung ương tập quyền.
- **Nội dung:** toàn diện trên các lĩnh vực: Chính trị, kinh tế, xã hội, quân sự, văn hóa, giáo dục.
- **Tư tưởng:** đề cao Nho giáo, hạn chế ảnh hưởng của Phật giáo và Đạo giáo.
- **Ý nghĩa:** thể hiện tinh thần dân tộc, ý thức tự lực tự cường, nỗ lực giải quyết khủng hoảng và thúc đẩy xã hội phát triển.

2. Điểm khác nhau

Khía cạnh	Cải cách Hồ Quý Ly	Cải cách Lê Thánh Tông	Cải cách Minh Mạng
Bối cảnh	Khủng hoảng triều Trần, nguy cơ xâm lược từ Minh.	Xã hội ổn định, cần nâng cao hiệu quả quản lý, phát triển.	Nhà Nguyễn mới thành lập, quyền lực chưa tập trung, cần thống nhất quản lý.
Mục tiêu	Cứu vãn triều đại, đổi phó nhà Minh.	Xây dựng quốc gia hùng mạnh, hoàn thiện thể chế.	Củng cố quyền lực tuyệt đối, quản lý hành chính chặt chẽ.
Hành chính	Tập trung quyền lực, thay thế quý tộc Trần bằng quan lại có năng lực.	Cải cách triệt để nhất, chia 13 đạo thừa tuyên, bộ máy chuyên nghiệp.	Chia lại cả nước thành 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên, phân cấp hành chính.

Kinh tế	Cấp tiến: Phát hành tiền giấy, hạn điền, hạn nô.	Quân điền, khuyến khích sản xuất.	Khai hoang, đắp đê, xác lập quyền sở hữu ruộng đất rõ ràng.
Văn hóa	Đề cao chữ Nôm, hạn chế Phật - Đạo.	Nho giáo độc tôn, định hình quy chuẩn văn hóa.	Nho giáo độc tôn, kiểm soát chặt chẽ khoa cử.
Kết quả	Nhanh chóng, nhưng không bền vững, thất bại trước nhà Minh.	Thành công nhất, đưa nước ta đạt đỉnh cao phong kiến.	Thành công, định hình bản đồ hành chính hiện đại.

3. Đánh giá

- Hồ Quý Ly: canh tân táo bạo, mang tính cấp tiến (tiền giấy) nhưng chưa phù hợp bối cảnh, bị phản đối, kết quả ngắn hạn.
- Lê Thánh Tông: hoàn thiện và mẫu mực, cải cách toàn diện, bài bản, giúp triều Lê sơ vững mạnh lâu dài.
- Minh Mạng: cải cách hành chính quyết liệt, thống nhất cao độ, đặt nền móng cho cơ cấu hành chính Việt Nam thời hiện đại.

Kết luận: cả 3 cuộc cải cách đều có vai trò quan trọng, thể hiện sự nỗ lực canh tân, củng cố nhà nước quân chủ trong lịch sử Việt Nam.

Câu 3: Biển Đông không chỉ là không gian sinh tồn mà còn là cửa ngõ giao thương quốc tế quan trọng. Theo em, Việt Nam cần thực hiện những chiến lược gì để vừa khai thác hiệu quả tài nguyên biển, vừa đảm bảo vững chắc chủ quyền và các lợi ích hợp pháp tại đây?

Cụ thể, các chiến lược bao gồm:

- Chiến lược kinh tế biển bền vững:

- + Phát triển đa ngành: tập trung vào các ngành mũi nhọn như nuôi trồng, đánh bắt thủy hải sản xa bờ, khai thác dầu khí và năng lượng tái tạo (điện gió ven biển).
- + Xây dựng cơ sở hạ tầng: phát triển hệ thống cảng biển, hạ tầng logistics, và dịch vụ hậu cần nghề cá để nâng cao giá trị tài nguyên.
- + Bảo vệ môi trường biển: khai thác gắn liền với bảo tồn đa dạng sinh học, ứng phó biến đổi khí hậu để đảm bảo nguồn sống lâu dài.

- Chiến lược bảo vệ chủ quyền và an ninh quốc gia:

- + Kiên quyết, kiên trì đấu tranh: sử dụng các biện pháp hòa bình, dựa trên luật pháp quốc tế, đặc biệt là UNCLOS 1982, để giải quyết các tranh chấp.
- + Tăng cường hiện diện trên biển: nâng cao năng lực tuần tra, kiểm soát của lực lượng hải quân, cảnh sát biển, và kiểm ngư để bảo vệ ngư dân và tài nguyên.
- + Xây dựng đảo và khu vực ven biển: đầu tư phát triển kinh tế - xã hội tại các tuyến đảo, tạo thế trận "thương mại - quốc phòng" đan xen.

- Chiến lược hợp tác quốc tế:

- + Đa phương hóa, đa dạng hóa: hợp tác với các nước trong khu vực và quốc tế về nghiên cứu khoa học, cứu hộ cứu nạn, và bảo vệ môi trường biển.
- + Tuân thủ luật pháp quốc tế: cam kết thực hiện nghiêm túc DOC (Tuyên bố về ứng xử của các bên) và tiến tới COC (Bộ Quy tắc ứng xử) hiệu lực, hiệu quả.

.....**CHÚC CÁC EM ÔN TẬP TỐT**.....